PHÙNG TRUNG HOÀI
Digitally signed by PHÙNG TRUNG HOÀI
DN: cn=PHÙNG TRUNG HOÀI, email=hoaithukyqn@gmail.com
Date: 2015.04.09 15:54:03 +07'00'

Phần A.
TỔNG QUAN CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

I. Thông tin chung

Tên giao dịch tiếng việt

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

Tên giao dịch đối ngoại:

VINACOMIN - VANG DANHCOAL JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: VVDC

Trụ sở chính: Số 185 Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3853.104 fax: 033.3853120

Email: vangdanhcoal@vnn.vn

Website: http//vangdanhcoal.com.vn

Mã số thuế: 7500101877

II. Lịch sử phát triển

1. Những sự kiện quan trọng

- Tiền thân CTCP Than Vàng Danh -Vinacomin là Mỏ than Vàng Danh được thành lập theo Quyết định số: 262/BCNNg-KB2 ngày 06/06/1964 của Bộ Công nghiệp nặng.

- Ngày 17/09/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 2604/QĐ/TCCB thành lập Mỏ than Vàng Danh đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Ngày 01/10/2001, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 405/QĐ/HĐQT của Chủ tịch HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh.

- Ngày 08/11/2006, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ký Quyết định số 2458 QĐ/HĐQT về việc đổi tên từ Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh - TKV.

- Công ty Than Vàng Danh – TKV nằm trong danh sách các Công ty than được cổ phần hóa theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/04/2007 của Bộ Công nghiệp. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/07/2007.

Tổ chức sản xuất của Công ty Than Vàng Danh được khép kín từ khâu khai thác đến chế biến, tiêu thụ than từ Vàng Danh ra Cảng Điền Công. Kể từ ngày 16/09/2007, bộ phận

vận tải chính của Công ty là đường sắt 1000 ly và kho, cảng được điều động về Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam theo quyết định của Vinacomin, Công ty chỉ còn chức năng chính là sản xuất than. Than sản xuất ra được bán duy nhất cho Vinacomin thông qua Công ty Kho vận đá bạc –Vinacomin theo giá bán nội bộ do Vinacomin quy định. Việc bán than đến hộ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu do Vinacomin thực hiện.

- Theo Quyết định 714/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 03 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Vàng Danh, Công ty Than Vàng Danh đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng vào ngày 05/03/2008 tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Công ty Than Vàng Danh – TKV chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2008 với tên gọi mới là "Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV".

- Ngày 10/01/2011, Cổ phiếu của Công ty (TVD) chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ là 152.807,9 triệu đồng.

- Ngày 24/3/2011, theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

- Ngày 01/02/2012 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 152,8 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng;

- Ngày 22/6/2012, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Ngày 04/08/2014 ủy ban chứng khoán nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu cuả Công ty để tăng vốn điều lệ từ 149,997 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng;

Ngày 30/12/2014, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và dồ dùng hữu hình khác;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Định hướng phát triển

1. Về tổng quan ngành than Việt Nam

Khác với các ngành khác, trong ngành than, với sự quản lý và điều tiết của TKV, không có sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường giữa các Công ty khai thác than. Điều này đã được thể hiện tại Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin:

"Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển than."

Vì vậy, đối với các công ty khai thác than, thị phần tiêu thụ sẽ không được xác định. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin cũng có vai trò quan trọng như tất cả các công ty khai thác than khác trong việc cung cấp dịch vụ khai thác, đưa nguồn năng lượng than đến các ngành công nghiệp để sử dụng và tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về mức độ đóng góp của Công ty đối với TKV, thì TVD là một đơn vị đứng đầu TKV về sản lượng khai thác than hầm lò.

2. Về triển vọng phát triển ngành

a) Quan điểm phát triển

Phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu ; đóng góp tích cực , hiệu quả vào việc an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đảm bảo việc xuất nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch và các biện pháp điều tiết khác phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Phát triển ngành than bền vững, hiệu quả theo hường đồng bộ, phù hợp với sự phát triển chung của các ngành kinh tế khác. Phát huy tối đa nội lực (vốn, khả ngăng thiết kế, chế tạo thiết bị trong nước v.v...) kết hợp mở rộng hợp tác quốc tế, trước hết trong lĩnh vực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng công nghệ tiến bộ trong thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng than; đầu tư thỏa đáng cho công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, quản trị tài nguyên, quản trị rủi ro trong khai thác than.

Đẩy mạnh các hoạt động điều tra cơ bản, thăm dò, đánh giá tài nguyên và trữ lượng than nhằm chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài của ngành; kết hợp đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực thăm dò, khai thác để bổ sung nguồn than cho nhu cầu lâu dài trong nước;

Đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong ngành than trên cơ sở doanh nghiệp do Nhà nước chi phối đóng vai trò chủ đạo; thực hiện kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước để phục vụ mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;

Phát triển ngành than gắn liền với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái ngành than; đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh quốc phòng trên địa bàn, đặc biệt là vùng than Quảng Ninh; đảm bảo an toàn trong sản xuất.

b) Mục tiêu phát triển

- Về thăm dò than:

Đối với bể than Đông Bắc: Đến hết năm 2015 hoàn thành việc thăm dò phần tài nguyên và trữ lượng thuộc tầng trên mức -300 m và một số khu vực dưới mức -300m đảm bảo đủ tài nguyên và trữ lượng than huy động vào khai thác trong giai đoạn đến năm 2020; phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành cơ bản công tác thăm dò đến đáy tầng than đảm bảo đủ tài nguyên và trữ lượng than huy động vào khai thác trong giai đoạn 2021 - 2030;

Đối với bể than đồng bằng sông Hồng: Lựa chọn một số diện tích chứa than có triển vọng, có điều kiện địa chất - mỏ thích hợp để tiến hành thăm dò trong kỳ kế hoạch 2012 - 2015, phục vụ việc đầu tư, khai thác thử nghiệm vào cuối kỳ kế hoạch; trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than phần đất liền bể than đồng bằng sông Hồng và kết quả triển khai một só dự án thử nghiệm, tiến hành thăm dò mở rộng để làm cơ sở phát triển các mỏ than ở quy mô công nghiệp với công nghệ phù hợp. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản

hoàn thành công tác thăm dò phần diện tích chứa than có điều kiện khai thác thuận lợi thuộc khối nâng Khooái Châu - Tiền Hải.

- Về khai thác than:

Sản lượng than thương phẩm toàn ngành trong giai đoạn Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030:

Năm 2012: 45-47 triệu tấn;

Năm 2015: 55 - 58 triệu tấn;

năm 2020: 60 - 65 triệu tấn;

Năm 2025: 66 - 70 triệu tấn;

Năm 2030: trên 75 triệu tấn.

Khu vực Quảng Ninh là nơi tập trung khoảng 67% trữ lượng toàn quốc và cũng có khả năng khai thác lớn nhất. Loại than chủ yếu tại Quảng Ninh là than đá (than antraxit), được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp điện, xi măng, phân bón… Tuy nhiên, khu mỏ Quảng Ninh đã được khai thác từ thời Pháp thuộc, đến nay đã trên 100 năm nên ở những khu mỏ tốt nhất tài nguyên đã bắt đầu phải khai thác ở các tầng (mức sâu hơn).

Trong mấy năm trở lại đây trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động rất phức tạp và khó khăn nhiều hơn, thương mại sụt giảm mạnh, tăng trưởng toàn cầu thấp, tác động tiêu cực đến nền kinh tế đã hội nhập sâu rộng và có độ mở lớn như nền kinh tế. Đến năm 2014, kinh tế thế giới đã có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, mức tăng trưởng kinh tế năm 2014 chậm hơn mong đợi. Ở trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đã có những chuyển biến tích cực. GDP của cả nước ta năm 2014 tăng vượt mức kế hoạch đề ra, lạm phát đã được kiểm soát, lãi suất giảm mạnh, an sinh xã hội tiếp tục được đảm bảo. Chính phủ đã ban hành các nghị quyết và giải pháp điều hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, chỉ đạo quyết liệt tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước. Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" đã được triển khai, thực hiện rộng khắp và đã có kết quả tích cực ban đầu, góp phần thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng trong nước. Các Bộ, ngành đã có các chương trình, đề án tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Theo báo cáo của TKV trong năm 2014 toàn TKV đã sản xuất 37,4 triệu tấn than nguyên khai, đạt 99,2% so với kế hoạch năm bằng 97% so với cùng kỳ năm 2013; sản lượng than tiêu thụ của TKV đạt 35,5 triệu tấn, bằng 101,5% so với kế hoạch năm và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2013.

Hiện tại, trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 17% tổng cầu). Với tiềm năng hạn chế về thuỷ điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than sẽ ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Trong năm 2011, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1208/2011/QĐ-TTg về Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030, trong đó chi tiết việc nhà máy nhiệt điện than để khai thác tối đa nguồn than

trong nước cho phát triển các nhà máy nhiệt điện, ưu tiên sử dụng than trong nước cho các nhà máy nhiệt điện khu vực miền Bắc do đó sản lượng than cần cho các nhà máy này hàng năm là rất lớn. Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hoá chất… cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này hứa hẹn sức cầu "khổng lồ" về than trong thập kỷ tới. Do vậy việc tiêu thụ sản phẩm của TKV trong các năm tới là có khả quan.

3. Định hướng phát triển của Công ty

3.1 Các mục tiêu chủ yếu.

Phải tập trung đẩy mạnh tiết kiệm chi phí sản xuất, đầu tư áp dụng rộng rãi cơ giới hóa khai thác, đào lò, vận tải và sàng tuyển. Tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo thợ lành nghề, chuyên viên, cán bộ quản lý giỏi thạo việc, thạo nghề. Nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

3.2 Quản trị doanh nghiệp

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho cán bộ công nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với Công ty và với cổ đông của Công ty.

3.3. Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp… đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất và kinh doanh và trở thành một trong những công ty khai thác than hầm lò đứng đầu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về sản lượng, an toàn, chất lượng, hiệu quả.

Phần B
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

I. Những kết quả hoạt động

Căn cứ Quyết đinh số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 2095/QĐ-TKV của Tổng Giám đốc Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam về việc bố trí các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than, Công ty đã tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành tương đối phù hợp; chuyển giao nhiệm vụ đưa đón thợ mỏ sang Công ty Cổ phần vận tải đưa đón thợ mỏ - TKV;

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và đã cơ bản hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty như: Quy chế trả lương, Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế Thi đua, khen thưởng, Quy chế quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng; quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty, Quy chế giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu, Quy chế quản lý nợ, Quy chế quản lý tài chính .v.v...,

Thực hiện Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã làm các thủ tục tăng vốn điều lệ của Công ty từ 250 tỷ lên 420 tỷ bằng hình thức phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thành công trong năm 2014;

Tập trung đẩy mạnh sản xuất, tháo gỡ các khó khăn cho các đơn vị; nâng cao chất lượng than; tiết giảm 5% chi phí; điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, linh hoạt để đảm bảo đủ việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động thợ lò;

Trong năm Công ty đã tiến hành triển khai thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2, phấn đấu năm 2016 hoàn thành đưa vào sử dụng;

Đẩy nhanh tiến độ đào lò xây dựng cơ bản của Dự án xuống sâu mức -175 giếng Vàng Danh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn các hạng mục hầm lò của dự án nhằm chuẩn bị diện sản xuất cho các năm tiếp theo;

II. Tình hình thực hiện năm 2014.

1. Về sản xuất:

- Than nguyên khai sản xuất 3.262.384/ 3.200.000 tấn, bằng 101,9% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014, bằng 100,9 % so với năm 2013; trong đó:

+ Than hầm lò sản xuất 2.819.927/ 2.800.000 tấn, bằng 100,7% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014, bằng 101,4% so với năm 2013;

+ Than lộ vỉa: 217.931/200.000 tấn, bằng 109,0% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014, bằng 101,9% so với năm 2013;

+ Than giao thầu: 224.526/200.000 tấn, bằng 112,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 94,5% so với năm 2013;

- Mét lò đào mới: 39.733/ 40.856m, bằng 97,3% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014, bằng 97,1% so với năm 2013, trong đó:

+ Mét lò CBSX: 33.725,7/34870 m bằng 96,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 98,6% so với năm 2013;

+ Mét lò XDCB: 6.007,5/5.986 m, bằng 100,4% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 89,4% so với năm 2013;

- Than sạch sản xuất: 2.803.768/2.753.000 tấn, bằng 101,8% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 101,3% so với năm 2013;

- Bóc đất đá lộ vỉa: 2.394.164/2.200.000m^3, bằng 108,8% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 105,1% so với năm 2013.

- Tiêu thụ than: 2.974.292/2.735.000 tấn, bằng 108,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 114,5% so với năm 2013.

2. Doanh thu:

Doanh thu tổng số: 3.507,1/ 2.980,3 tỷ đồng, bằng 117,6% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2014, bằng 126,8% so với năm 2013.

Trong đó:

+ Doanh thu than: 3.255,3 tỷ đồng, bằng 116,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 128,9 % so với năm 2013;

+ Doanh thu khác: 251,8/201 tỷ đồng, bằng 125,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014, bằng 98,1% so với năm 2013;

3. Giá thành và giá bán:

- Giá thành sản xuất : 939.432 đồng/ tấn; bằng 115,09 % so năm 2013
- Giá thành tiêu thụ : 1.056.267 đồng/ tấn; bằng 114,49% so năm 2013;
- Giá bán bình quân : 1.094.482 đồng/ tấn; bằng 113,34% so năm 2013;

4. Tiền lương và thu nhập:

- Tiền lương và thu nhập:

+ Quỹ lương thực hiện : 783.425,6 /714.989 triệu đồng, bằng 109,6)% so với năm 2013;

+ Thu nhập bình quân:10,856/9,907 triệu đồng/người-tháng, bằng 119,09% so Nghị quyết ĐHĐCĐ, bằng 109,58 % so với năm 2013.

5. Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

+ Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 121,26 tỷ đồng, bằng 140,55 % so với Nghị quyết của năm ĐHCĐ năm 2014, bằng 102,05% so với năm 2013;

+ Nộp ngân sách: 558,15/396,27 tỷ đồng, bằng 140,8 % so với năm 2013.

6. Công tác đầu tư:

Giá trị thực hiện ĐTXD: 448,6/732,47 tỷ đồng bằng 61,2% kế hoạch năm và bằng 117,8% với năm 2013.

- Về dự án đầu tư khai thác phần lò giếng mức 00 ÷ -175 khu Vàng Danh: Công ty đã và đang tổ chức thi công các đường lò xuyên vỉa vận tải mức -175, thượng thông gió -175 vỉa 8, lò dọc vỉa các mức ..... Tổng số mét lò đào được trong năm 2014 là 4.523 m bằng 111,68% kế hoạch năm; trình xây dựng trạm quạt gió cửa lò mức +139, xây lắp tuyến băng tải than nguyên khai cửa lò +110 về xưởng sàng, trạm phát điện …; đã triển khai thủ tục mua sắm 17/20 danh mục thiết bị của dự án trong năm kế hoạch, gồm: Băng tải các loại, quạt gió chính, tủ biến tần, bơm nước… Các hạng mục còn lại đang được tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện.

- Về dự án nhà máy tuyển than Vàng Danh II: Đã đấu thầu xong gói thầu thi công đường cải dịch và san gạt mặt bằng nhà máy, san gạt mặt bằng sân ga đường sắt, các công trình đã bàn giao mặt bằng thi công cho đơn vị trúng thầu triển khai thi công; đối với gói thầu số 7-Gói EPC: Tư vấn lập TKBVTC-DT; Cung cấp vật tư thiết bị và xây lắp các hạng mục: Kho than nguyên khai, nhà tuyển chính, kho than thương phẩm, kho manhêtít, xử lý bùn nước, cung cấp điện và đào tạo hướng dẫn vận hành. Công ty đã tổ chức xét chọn xong nhà thầu thi công xây dựng, ngày 08/11/2014 đã khởi công gói EPC; các gói thầu còn lại của dự án đang được lập TKBVTC-DT, thẩm định, thẩm tra theo quy định.

7. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014 là 420.235.040.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101877, ngày 09/11/2014, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp).

III. Triển vọng và kế hoạch năm 2015

1. Dự báo chung năm 2015

Theo báo cáo tổng quan kinh tế thế giới, dự báo GDP toàn cầu sẽ tăng trưởng 3,8 - 4%, tuy nhiên từ cuối năm 2014 giá dầu thô giảm mạnh đã gây ra những tác động khó lường.

Dự báo, kinh tế Việt Nam năm 2015 có mức phục hồi cao hơn, nhiệm vụ đặt ra mức tăng trưởng 6,2%, yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh đang được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt và sẽ có chuyển biến trên hầu hết các tiêu chí trong nửa đầu năm 2015, lạm phát dự báo không quá 6,5%.

Đối với Công ty: Do khai thác xuống sâu, địa chất phức tạp, độ tin cậy của tài liệu không cao, việc kiểm soát áp lực mỏ, khí và nước gặp nhiều khó khăn, các chi phí về thăm

dò, an toàn BHLĐ, môi trường... tăng cao; các loại thuế, phí ngày càng tăng làm cho giá thành tăng cao trực tiếp đến doanh thu và chi phí.

2. Mục tiêu và định hướng sản xuất kinh doanh và năm 2015.

a) Định hướng phát triển

Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế điều hành, các quy chế… để chỉ đạo bộ máy quản lý phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2015;

Đẩy mạnh và chỉ đạo quyết liệt áp dụng cơ giới hóa, công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế của khoáng sàng Vàng Danh, áp dụng cơ giới hóa tối đa các công đoạn đào lò và khai thác theo nguyên tắc chỗ nào cơ giới hóa được thì phải thực hiện cơ giới hóa, hạn chế việc bốc xúc, vận chuyển thủ công v.v..., nhằm tăng năng suất, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao mức độ an toàn, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm, coi đó là giải pháp quyết định sự tăng trưởng của Công ty.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ chống lò bằng vi neo chất dẻo, bê tông cốt thép và lưới thép kết hợp bê tông phun; các công nghệ khai thác có năng suất cao như giá chống thủy lực dạng thường và dạng khung ZH; nghiên cứu áp dụng công nghệ khấu hợp lý đối với các vỉa dày, dốc thay thế dần cho công nghệ khấu buồng để nâng dần công suất lò chợ, phấn đấu năng suất lò chợ tăng tối thiểu 5%/năm và đảm bảo công tác an toàn trong sản xuất, tiết kiệm chi phí.

Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm các công nghệ khai thác mới như dàn chống siêu nhẹ, giá thủy lực liên kết xích, lò chợ cơ giới hóa đồng bộ .v.v..., phù hợp với điều kiện của Công ty; phấn đấu quý IV năm 2015 đưa 01 lò chợ cơ giới hóa đồng bộ vào khai thác tại chợ I-8-1 khu giếng Vàng Danh, mức -175.

Chuẩn bị đủ các điều kiện về kỹ thuật, công nghệ, diện sản xuất cho việc thành lập thêm 01 phân xưởng khai thác vào đầu quý II năm 2015, đảm bảo kế hoạch sản lượng năm 2015.

Chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp đồng bộ để thực hiện đảm bảo tiến độ và hiệu quả của các dự án đầu tư, đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thi công dự án giếng Vàng Danh mức -175, dự án nhà máy tuyển Vàng Danh -2, hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư trụ sở Công ty tại Uông Bí, phấn đấu quý IV năm 2015 khởi công dự án.

b) Mục tiêu:

Mục tiêu điều hành kế hoạch năm 2015 của Công ty là: Đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2015; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp, đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất, đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững. Cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động đặc biệt là đội ngũ thợ lò. Mục tiêu chung là **AN TOÀN – ĐỔI MỚI - TĂNG TRƯỞNG - HIỆU QUẢ.**

c) Mục tiêu cụ thể:

Than nguyên khai: 3.495.000 tấn (Hầm lò: 2.950.000 tấn; Lộ thiên: 220.000 tấn; Giao thầu: 325.000 tấn);

Đào lò (tổng số): 40.246 mét (Đào lò CBSX: 35.230 mét; Lò XDCB: 5.016 mét);

Bóc đất đá: 2.420.000 m^3

Than sạch sản xuất: 2.996.000 tấn;

Tiêu thụ than: 2.996.000 tấn;

Doanh thu: 3.388,4 tỷ đồng (DT than: 3.270,1 tỷ đồng; DT khác: 118,3 tỷ đồng)

Lợi nhuận: 60,5 tỷ đồng;

Tiền lương bình quân 10.462.000 đ/người/tháng.

Cổ tức phấn đấu ≥ 7%.

IV. Báo cáo tình hình tài chính

Xem Phần C- Báo cáo tài chính, bản giải trình và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.

V. Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được

Công tác điều hành và quản trị chi phí được thực hiện linh hoạt, thích ứng với tình hình sản xuất kinh doanh từng giai đoạn, các đơn vị đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp điều hành và tiết giảm chi phí Công ty đề ra; đã tổ chức giao khoán giá thành công đoạn tổng hợp cho các phân xưởng đào lò và khai thác, các đơn vị còn lại được khoán chi phí theo định mức, tất cả các vật tư phục vụ sản xuất đều được xây dựng định mức khoán để quản lý,… góp phần ổn định sản xuất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, kết quả: (+) Giá thành tiêu thụ thực hiện giảm ≈ 5% so với giá thành Tập đoàn giao khoán; (+) Tiết giảm được 5% tổng chi phí theo yêu cầu của TKV; (+) Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch TKV;

Hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý và điều hành, tạo cơ sở pháp lý trên tất cả các mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ tuyệt đối chế độ kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chú trọng các biện pháp, giải pháp tiết kiệm khoán phí, khoán tiêu hao điện năng, khoán giá thành theo công đoạn cho tất cả các đơn vị có thể khoán được để nâng cao hiệu quả chung cho Công ty.

VI. Các biện pháp kiểm soát

1. Về chế độ báo cáo

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban Giám đốc đối với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban, Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

Việc trao đổi thông tin và quản lý văn bản thống nhất trong toàn Công ty giúp Ban Giám đốc điều hành kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh. Hàng tuần, ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp định kỳ với các Thủ trưởng đơn vị để trao đổi kinh nghiệm và thống nhất trong chương trình hoạt động.

2. Về hệ thống kiểm soát

Xây dựng hoàn chỉnh các quy định tài chính kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ; phòng Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động ổn định và thể hiện được chức năng của mình trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Hoạt động của bộ phận Pháp chế được tăng cường mạnh mẽ hơn để đảm bảo sự phù hợp của các hợp đồng đối với quy định của pháp luật.

Hoàn thiện các quy trình chuẩn nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị, giữa đơn vị và Công ty.

VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Về sản xuất, kinh doanh.

Căn cứ Chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Hợp đồng phối hợp kinh doanh giai đoạn 2011- 2015 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Trên cơ sở thế mạnh về truyền thống, nguồn nhân lực, những tiềm năng sẵn có về tài nguyên, cơ sở vật chất đã và đang đầu tư của Công ty và dự báo những thuận lợi, khó khăn của thị trường than trong thời gian tới, Công ty xác định phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh bằng các biện pháp cụ thể với mục tiêu **AN TOÀN – ĐỔI MỚI - TĂNG TRƯỞNG - HIỆU QUẢ** và sản lượng than khai thác sẽ tăng lên 4,1 triệu tấn than nguyên khai vào năm 2020 và tiếp tục tăng sản lượng khai thác vào các năm tiếp theo.

Nghiên cứu sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất cho phù hợp, tuyển dụng thêm lao động lành nghề, đẩy mạnh công tác thăm dò chi tiết để chuẩn bị diện sản xuất...

Tăng cường đầu tư các dự án phục vụ cho việc mở rộng và nâng công suất mỏ.

Thực hiện kế hoạch khoan thăm dò 5 năm (2011-2015).

Chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp đồng bộ để tăng tốc độ đào lò XDCB cho lò giếng Vàng Danh mức -175 đến cuối năm 2017 kết thúc XDCB và đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng dự án Nhà máy sàng tuyển Vàng Danh 2 để cuối năm 2016 đưa công trình vào phục vụ sản xuất.

Tăng cường công tác khoan thăm dò vỉa, nâng cao chất lượng dự báo, dự kiến và độ tin cậy của các tài liệu địa chất, nhằm hạn chế tối đa các sai sót trong việc lập biện pháp, thiết kế đào các đường lò.

2. Về công tác quản lý điều hành

Gắn trách nhiệm hiệu quả hoạt động với lãnh đạo đơn vị, xây dựng quy chế trả lương theo hiệu quả sản xuất. Cắt giảm lao động dôi dư, yếu kém tuyển mới đội ngũ lao động đúng tiêu chuẩn, trả lương phù hợp theo mặt bằng chung của thị trường và đối với công việc thực hiện. Có biện pháp cụ thể để bảo toàn nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ kế thừa.

Tái cấu trúc bộ máy trên cơ sở tinh gọn và hiệu quả, củng cố nguồn nhân lực; Hoàn thiện bộ máy điều hành từ cấp cao đến cấp trung, tăng cường phân quyền đi đôi với biện pháp kiểm soát.

Áp dụng phương pháp quản trị theo mục tiêu, triển khai đồng bộ 4 chương trình: "Quản trị ngân sách", "Kế toán quản trị", "Kiểm soát hoạt động kinh doanh", "Kiểm soát chi phí" trong xây dựng kế hoạch kinh doanh và kiểm soát thực hiện kế hoạch trong toàn công ty.

Tập trung triển khai xây dựng/củng cố và hoàn thiện cơ chế/quy trình – quy định điều hành phù hợp với cơ cấu tổ chức và đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hành tiết kiệm, quản lý chặt giá thành dịch vụ bằng các biện pháp định mức, giao ngân sách thông qua phòng kiểm toán nội bộ kiểm tra giám sát việc thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Phần C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

- Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu – Hoàn Kiếm – Hà Nội

- Điện thoại: (+84) 4 3824 5983

- Website: : http://www.aasc.com.vn

I. Báo cáo tài chính năm 2014

1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**599.096.851.931**	**626.404.759.810**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**218.218.439.419**	**27.716.429.190**
111	1. Tiền		218.218.439.419	27.716.429.190

130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**209.822.733.129**	**263.537.378.216**
131	1. Phải thu khách hàng		192.627.070.545	256.665.792.328
132	2. Trả trước cho người bán		6.231.335.952	92.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	13.378.930.111	6.779.585.888
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.414.603.479)	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**6**	**163.722.749.410**	**331.022.247.788**
141	1. Hàng tồn kho		163.722.749.410	331.022.247.788
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**7.332.929.973**	**4.128.704.616**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	6.577.627.702	3.441.489.611
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	365.699.945	411.107.500
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	389.602.326	276.107.505
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.292.657.737.343**	**1.181.545.407.473**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**15.049.999.400**	**13.575.171.438**
218	4. Phải thu dài hạn khác	10	15.049.999.400	13.575.171.438
220	**II. Tài sản cố định**		**1.194.022.753.785**	**1.130.255.200.520**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	961.601.097.041	1.001.236.683.100
222	*- Nguyên giá*		*3.002.626.903.081*	*2.689.360.326.475*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(2.041.025.806.040)*	*(1.688.123.643.375)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	32.109.589	39.654.957
228	*- Nguyên giá*		*1.061.959.443*	*1.021.959.443*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(1.029.849.854)*	*(982.304.486)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	232.389.547.155	128.978.862.463
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**83.584.984.158**	**37.715.035.515**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	66.984.701.453	23.678.904.992
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.2	187.675.984	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	15	16.412.606.721	14.036.130.523
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.891.754.589.274**	**1.807.950.167.283**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.442.793.725.735**	**1.459.353.607.877**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**451.936.667.594**	**491.008.187.231**
312	2. Phải trả người bán		120.308.246.914	174.657.780.546
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	38.731.439.834	12.088.462.051
315	5. Phải trả người lao động		134.122.638.110	155.770.150.831
316	6. Chi phí phải trả	17	38.940.505.603	10.025.175.890

317	7. Phải trả nội bộ	18	28.769.346.457	51.371.760.901
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	46.453.625.996	44.594.138.013
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		44.610.864.680	42.500.718.999
330	**II. Nợ dài hạn**		**990.857.058.141**	**968.345.420.646**
334	4. Vay và nợ dài hạn	20	990.857.058.141	967.857.641.059
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	487.779.587
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**448.960.863.539**	**348.596.559.406**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**21**	**442.024.201.878**	**342.555.374.258**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		420.235.040.000	249.972.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(193.100.000)	(110.000.000)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		14.913.982.847	65.362.047.023
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.068.279.031	15.109.245.823
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	12.221.521.412
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**		**6.936.661.661**	**6.041.185.148**
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22	6.936.661.661	6.041.185.148
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.891.754.589.274**	**1.807.950.167.283**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		276.853.355	309.097.890

2. Báo cáo kết quả kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Phần I: Lãi, lỗ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**3.494.790.657.598**	**2.755.893.088.303**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.494.790.657.598**	**2.755.893.088.303**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**24**	**3.030.926.385.804**	**2.320.720.148.478**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**463.864.271.794**	**435.172.939.825**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.508.055.858	4.484.309.616

22	7. Chi phí tài chính	26	115.682.910.582	125.094.746.612
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*115.649.149.457*	*125.042.583.235*
24	8. Chi phí bán hàng	27	4.112.875.428	6.194.637.813
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	230.404.285.585	192.135.544.386
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**116.172.256.057**	**116.232.320.630**
31	11. Thu nhập khác	29	9.855.142.559	4.561.998.113
32	12. Chi phí khác	30	4.763.316.272	1.969.909.613
40	**13. Lợi nhuận khác**		**5.091.826.287**	**2.592.088.500**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**121.264.082.344**	**118.824.409.130**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	27.908.528.927	30.141.438.445
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.2	(187.675.984)	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**93.543.229.401**	**88.682.970.685**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**32**	**3.550**	**3.548**

Phần II. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính : VND

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
I	**Thuế**	**11.202.875.771**	**484.863.074.764**	**459.952.850.646**	**36.113.099.889**
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.017.159.662	175.829.422.661	172.743.589.928	6.102.992.395
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.705.937.575	27.908.528.927	25.719.389.822	6.895.076.680
3	Thuế tài nguyên	2.733.155.417	270.434.591.350	250.904.365.967	22.263.380.800
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.157.730.617	3.105.836.575	3.509.865.670	753.701.522
5	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.293.423.659	6.829.775.222	463.648.437
6	Các loại thuế khác	(411.107.500)	291.271.592	245.864.037	(365.699.945)
	Các loại thuế khác	(411.107.500)	*291.271.592*	*245.864.037*	*(365.699.945)*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**474.478.780**	**99.975.022.000**	**98.196.860.780**	**2.252.640.000**
1	Các khoản phụ thu				-
1	Các khoản phí, lệ phí	474.478.780	99.975.022.000	98.196.860.780	2.252.640.000
III	**Tổng cộng**	**11.677.354.551**	**584.838.096.764**	**558.149.711.426**	**38.365.739.889**

2. Chỉ số tài chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KỲ TRƯỚC (2013)	KỲ BÁO CÁO (2014)
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	65,35	68,33
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	34,65	31,67
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	80,72	76,27
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	19,28	23,73
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,96
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,33
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,32	5,06
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,22	2,68
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	26,20	23,46

II. Báo cáo của kiểm toán

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin được lập ngày 12 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu

trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo công văn số 398/TKV-KS ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (chi tiết xem tại Thuyết minh số 21 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính)

2. Ý kiến của Kiểm toán nội bộ

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã phản ánh trung thực, khách quan các hoạt động kinh tế của Công ty. Công ty đã tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Phần D
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

I. Các công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của Công ty: Không có

II. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không có

Phần E
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. Cơ cấu tổ chức Công ty (theo sơ đồ)

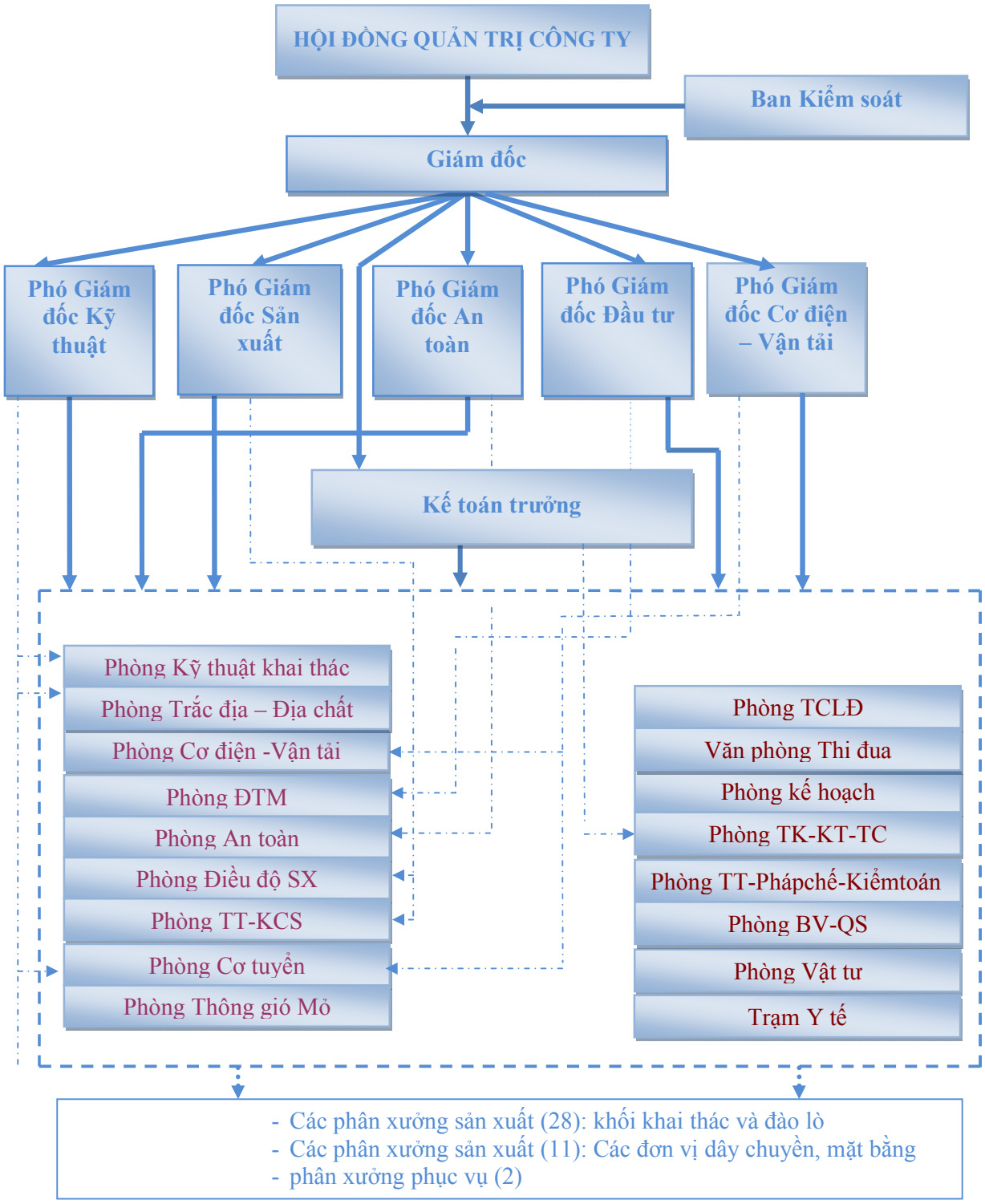

Chỉ đạo trực tuyến

Chỉ đạo trực tiếp

Chỉ đạo gián tiếp

II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban điều hành Công ty

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

a) Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Doãn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Trịnh	Thành viên HĐQTT (thôi giữ chức ngày 01/09/2014)
3	Nguyễn Tiến Phượng	Thành viên HĐQTT
4	Trịnh Xuân Thỏa	Thành viên HĐQTT
5	Vũ Đình Việt	Thành viên HĐQTT
6	Phan Xuân Thủy	Thành viên HĐQTT bầu bổ sung ngày 01/09/2014)

b) Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm (2013 - 2018), cụ thể:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Xuân Vinh	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Phùng Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Nguyễn Thị Luyến	Thành viên Ban Kiểm Soát

c) Ban Giám đốc điều hành:

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

Cơ cấu Ban Giám đốc đến thời điểm 31/12/214 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Xuân Thủy	Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Tiến Phượng	Phó Giám Đốc
3	Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám Đốc
4	Ông Phùng Đình Hòa	Phó Giám Đốc
5	Ông Trịnh Văn An	Phó Giám đốc
6	Ông Nguyễn Quý Dũng	Kế toán trưởng

d) Các đơn vị thuộc Công ty:

Công ty có: 16 phòng ban đơn vị chức năng, 01 trạm y tế, 28 phân xưởng khai thác và đào lò, 11 phân xưởng dây chuyền và mặt bằng, 02 đơn vị phục vụ.

Tổng số CBCNV của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 6.314 người

2. Thông tin tóm tắt các thành viên Ban lãnh đạo Công ty

2.1. Hội đồng quản trị:

❖ **ÔNG: DOÃN VĂN QUANG - CHỦ TỊCH HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/09/1956
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013280803
- Dân tộc:	Kinh
- Nguyên Quán:	Hà Nội
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ Từ tháng 05 năm 1981 đến tháng 08 năm 1987 : Nhân viên phòng Kỹ thuật Mỏ than Mông Dương	
❖ Từ tháng 09 năm 1987 đến tháng 06 năm 1990 : Phó phòng Xây dựng cơ bản Mỏ than Mông Dương	
❖ Từ tháng 07 năm 1990 đến tháng 12 năm 1992 : Phó phòng Lao động Tiền lương Mỏ than Mông Dương	
❖ Từ tháng 01 năm 1993 đến tháng 12 năm 1994 : Trưởng phòng Lao động Tiền lương Mỏ than Mông Dương	
❖ Từ tháng 01 năm 1995 đến tháng 05 năm 1997 : Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư	

Mỏ than Mông Dương	
❖ Từ tháng 06 năm 1997 đến tháng 06 năm 2002 : Phó Giám đốc Công ty Than Mông Dương	
❖ Từ tháng 07 năm 2002 đến tháng 11 năm 2007 : Giám đốc Công ty Than Mông Dương	
❖ Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 05 năm 2010 : Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	
❖ Từ tháng 05 năm 2010 đến tháng 10 năm 2013 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành CTCP Than Mông Dương-Vinacomin	
❖ Từ tháng 10 năm 2013 đến nay: Trưởng ban Tập đoàn, thành viên Ban quản lý vốn, Chủ tịch HĐQT Công ty	
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

❖ ÔNG: PHAN XUÂN THỦY - TV HĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	21/05/1978
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100674343 Cấp ngày 19/03/2002; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 1, Khu 1, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 08/2001 – 11/2002	Công nhân khai thác phân xưởng KT7, Công ty than Vàng Danh
❖ 12/2002 – 11/2005	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
❖ 12/2005- 6/2006	Phó Quản đốc phân xưởng KT6, Công ty than Vàng Danh
❖ 7/2006 – 10/2006	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh

❖ 11/2006 – 02/2008	Phó Quản đốc phân xưởng KT11, Công ty than Vàng Danh
❖ 03/2008- 05/2008	Phó Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh -TKV
❖ 06/2008 – 4/2010	Quản đốc phân xưởng KT1, Công ty CP than Vàng Danh - TKV
❖ 5/2010 – 20/4/2011	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh - TKV
❖ 21/4/2011-26/10/2013	UV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
❖ 27/10/2013 - 30/08/2014	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
❖ Từ 01/09/2014 đến nay	UV HĐQT, Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	751 cổ phần

❖ ÔNG: NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG - TV HĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/05/1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100591032 Cấp ngày 02/07/2011; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 2, khu 3, Phường Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 7/1981 – 3/1988	Cán bộ kỹ thuật, mỏ than Mông Dương – Khe Chàm
❖ 3/1988 – 02/1995	Nhân viên Phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh

❖ 3/1995 – 10/1997	Phó phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
❖ 11/1997 – 7/1998	Trợ lý Giám đốc, Mỏ than Vàng Danh
❖ 8/1998 – 6/2008	Phó Giám đốc Công ty than Vàng Danh- TKV
❖ 7/2008 – 20/4/2011	Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh- TKV
❖ 21/4/2011 đến nay	Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh- Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	30.000 cổ phần

❖ **ÔNG: TRỊNH XUÂN THỎA - TV HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/01/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100600457 Cấp ngày 17/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ5, Khu 11, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
❖ 01/1980 – 03/1987	Công nhân khai thác phân xưởng KT2, KT9, Mỏ than Vàng Danh
❖ 4/1987 – 4/1993	Cán bộ chuyên trách Đoàn Thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
❖ 5/1993- 2/1995	Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
❖ 3/1995 – 6/1997	Cán bộ chuyên trách Đảng uỷ, Mỏ than Vàng Danh
❖ 7/1997 – 11/2001	Phó phòng BV-TT-QS, Công ty than Vàng Danh

❖ 12/2001- 02/2003	Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ, Công ty than Vàng Danh
❖ 03/2003 – 8/2005	Trưởng Ban tổ chức Đảng uỷ, Công ty than Vàng Danh
❖ 9/2005 – 5/2008	Phó Bí thư, Trưởng ban tổ chức Đảng uỷ, Công ty than Vàng Danh
❖ 6/2008 - 6/2010	Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh- TKV
❖ 7/2010 – 20/4/2011	UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty - TKV
❖ Từ 21/4/2011 - 24/4/2013	UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy,
❖ Từ 25/4/2013 đến nay	UV HĐQT, UV BTV Đảng ủy Than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy,
Số cổ phần nắm giữ	64.648 cổ phần

❖ **ÔNG: VŨ ĐÌNH VIỆT - TV HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/05/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100728437 (xem lại số CMT của A.Việt, số này cấp năm 1997)
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế lao động
- Quá trình công tác:	
❖ 10/1983-11/1990	Công nhân sửa chữa điện mỏ than Vàng Danh

❖ 12/1990-06/1994	Học Đại học Công đoàn
❖ 07/1994-08/1994	Cán bộ Công đoàn Liên đoàn tỉnh Quảng Ninh
❖ 09/1994-09/1996	Công nhân sửa chữa điện mỏ than Vàng Danh
❖ 10/1996-11/1998	Cán bộ Công đoàn Mỏ than Vàng Danh
❖ 12/1998-07/2005	Trưởng ban Tổ chức Công đoàn Công ty
❖ 08/2005-11/2012	Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty
❖ 12/2012 – 24/4/2013	Chủ tịch Công đoàn Công ty
❖ 24/4/2013 đến nay	UV HĐQT - Chủ tịch Công đoàn Công ty
Số cổ phần nắm giữ	8.001 cổ phần

2.2. Ban Giám đốc

- **ÔNG: PHAN XUÂN THỦY - GIÁM ĐỐC (như trình bày ở trên)**
- **ÔNG: NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG – PHÓ GIÁM ĐỐC (như trình bày ở trên)**
- **ÔNG: NGUYỄN QUANG TRUNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	30/01/1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100957688 Cấp ngày 28/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 12A, Khu 4, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ điện mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 4/1982 – 5/1993	Nhân viên Phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh

❖ 6/1993 – 7/1994	Phó quản đốc Phân xưởng K3, Mỏ than Vàng Danh
❖ 8/1994 – 2/1995	Nhân viên Phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh
❖ 3/1995 – 7/2004	Trưởng Phòng Cơ điện, Công ty Than Vàng Danh
❖ 8/2004 – 11/2004	Phó phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
❖ 01/2005 – 5/2006	Trợ lý Giám đốc, Công ty than Vàng Danh
❖ 6/2006 – 6/2008	Phó Giám đốc, Công ty than Vàng Danh – TKV
❖ 7/2008 – 20/4/2011	Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh – TKV
❖ Từ 21/4/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	360 cổ phần

❖ **ÔNG: PHÙNG ĐÌNH HÒA - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	02/08/1955
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100519868 Cấp ngày 22/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 14A, Khu 4, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 12/1981 – 9/1987	Công nhân khai thác PX KT5, Mỏ than Vàng Danh
❖ 10/1987 – 9/2002	Phó Quản đốc, Quản đốc Phân xưởng KT1, KT2, Mỏ than Vàng Danh
❖ 10/2002 – 01/2006	Trưởng phòng ĐĐ-SX, Công ty than Vàng Danh

❖ 02/2006 – 10/2007	Trợ lý Giám đốc, Công ty than Vàng Danh – TKV
❖ 11/2007 – 6/2008	Phó Giám đốc Công ty than Vàng Danh – TKV
❖ 7/2008 – 20/4/2011	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – TKV
❖ Từ 20/4/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	2.333 cổ phần

❖ ÔNG: TRỊNH VĂN AN - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	20/06/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100382389 Cấp ngày 15/12/2004; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 08/1996 - 02/1997	Công nhân PX. K1, Mỏ than Vàng Danh
❖ 03/1997 - 09/1999	Nhân viên P.KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
❖ 11/2002 - 02/2006	Nhân viên P. Xây dựng, Công ty XM Thăng Long
❖ 03/2006 - 02/2007	Nhân viên P.KT-KT, Công ty than Vàng Danh
❖ 03/2007 - 04/2007	Phó phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
❖ 05/2007 - 12/2009	Quản đốc PX.KT11, Công ty C.P than Vàng Danh
❖ 01/2010 - 24/8/2011	Quản đốc PX.KT13, Công ty C.P than Vàng Danh
❖ 25/8/2011 – 01/12/2011	Trợ lý Giám đốc Công ty C.P Than Vàng Danh

❖ 02/12/2011 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	2.243 cổ phần

❖ ÔNG: NGUYỄN QUÝ DŨNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/01/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100896769
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế côngnghiệp; Cử nhân kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:	
❖ 11/1994-08/2007	Nhân viên Phòng TK-KT-TC
❖ 09/2007-02/2013	Phó Phòng TK-KT-TC
❖ 03/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

2.3 Ban Kiểm soát:

❖ ÔNG: PHẠM XUÂN VINH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	26/12/1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100642662 Cấp ngày 19/10/2001; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 12, Khu 2, Phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác:	
❖ 1984 - 1987	Kế toán Công ty than Hà Tu
❖ 1987 - 1990	Kế toán Tổng hợp XN Vận tải Than Hòn Gai
❖ 1990 - 1992	Kế toán trưởng khách sạn Phương Đông - Hạ Long
❖ 1992 - 1996	Phó phòng Kế toán Công ty than Hòn Gai
❖ 1996 - 1997	Trưởng Phòng Kế toán - Kiểm toán, Công ty Than Hòn Gai
❖ 1997 -2004	Kế toán trưởng Công ty Than Hòn Gai
❖ 2004 – 6/2008	Phó Ban kiểm toán Tập đoàn TKV
❖ 7/2008 – 20/4/2011	Phó Ban kiểm toán Tập đoàn TKV kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – TKV
❖ 21/4/2011 đến nay	Phó Ban kiểm toán Tập đoàn TKV kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	78 cổ phần

❖ ÔNG: PHÙNG THẾ ANH - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/01/1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100626577
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phương Đông, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12

- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:	
❖ 10/1994-01/2005	Công nhân cơ điện Phân xưởng KT2, VT56, VTG
❖ 02/2005-24/04/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch
❖ 25/4/2013 đến nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch, kiêm UV Ban KS
Số cổ phần nắm giữ	2.035

❖ BÀ: NGUYỄN THỊ LUYẾN - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	24/08/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100331250 Cấp ngày 15/7/2011; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ1, Khu 6, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế mỏ
- Quá trình công tác:	
❖ 2/1987 – 10/2006	Nhân viên Phòng TK-KT-TC Công ty than Vàng Danh
❖ 11/2006 – 6/2008	Nhân viên Phòng Đầu tư xây dựng &MT Công ty than Vàng Danh
❖ 7/2008 – 20/4/2011	Uỷ viên Ban Kiểm soát, Nhân viên Phòng ĐTXD&MT Công ty CP Than Vàng Danh – TKV
❖ 21/4/2011 đến nay	Uỷ viên Ban Kiểm soát, Nhân viên Phòng ĐTXD&MT Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	6.539 cổ phần

Phần G
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị: Gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu

Ông Doãn Văn Quang – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Trịnh – Thành viên Hội đồng quản trị (thôi giữ chức ngày 01/09/2014)

Ông Phan Xuân Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị (bầu bổ sung ngày 01/09/2014)

Ông Nguyễn Tiến Phượng - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Xuân Thỏa - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Việt - Thành viên Hội đồng quản trị

(như trình bày trên)

Trong năm vừa qua Công ty có một số thay đổi về nhân sự HĐQT, cụ thể như sau:

1. Ông **Nguyễn Văn Trịnh** thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/09/2014;

2. Ông **Phan Xuân Thủy** bầu bổ sung giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 01/09/2014.

2. Hoạt động của HĐQT

Năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 28 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 28 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện đã đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra. (phụ lục các cuộc họp HĐQT kèm theo)

Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

**** Tóm lại:*** Năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

3. Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu

Ông Phạm Xuân Vinh – Trưởng ban

Ông Phùng Thế Anh - Thành viên

Bà Nguyễn Thị Luyến - Thành viên

(như trình bày trên)

4. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thường xuyên giám sát các hoạt động của Công ty thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT và các văn bản quản lý khác của Công ty.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban quản lý Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác. Thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty.

Kiểm tra, đánh giá hệ thống quản lý nội bộ, kịp thời phát hiện những thiếu sót trong hệ thống quản lý, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp khắc phục.

Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra Báo cáo tài chínhh quý và năm. Đánh giá khách quan tính trung thực, hợp lý của số liệu, tài liệu báo. Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán. Xem xét thư quản lý của kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Công ty.

Thường xuyên giữ mối liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông.

5. Kế hoạch hoạt động quản trị công ty

Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế điều hành, các quy chế… để chỉ đạo bộ máy quản lý phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2015: Sản xuất 3.495.000 tấn than, đào 40.246 mét lò mới, doanh thu 3.388,5 tỷ, lợi nhuận trên 60,5 tỷ đồng, mức cổ tức không thấp hơn 7%;

Tăng cường công tác khoan thăm dò các vỉa để bổ sung độ tin cậy của các tài liệu địa chất, nhằm hạn chế tối đa sai sót trong việc lập biện pháp thiết kế đào lò và khai thác; đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục của Giếng Vàng Danh mức – 175; đưa cơ giới hóa để tăng tốc độ đào; triển khai khẩn trương dự án xây dựng Nhà máy Tuyển than Vàng Danh 2 để cuối năm 2016 đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất của Công ty; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, thiết kế và chuẩn bị diện, các điều kiện cho sản xuất; Tăng cường áp dụng công nghệ có năng suất cao như giá chống thủy lực di động XDY, giá thủy lực dạng khung ZH, nghiên cứu áp dụng công nghệ khấu hợp lý đối với các vỉa dầy, dốc thay thế dần cho công nghệ khấu buồng để nâng dần công suất lò chợ, phấn đấu công suất lò chợ tăng tối thiểu 5%/năm và đảm bảo công tác an toàn trong sản xuất, tiết kiệm chi phí; Tiếp tục áp dụng công nghệ chống lò bằng vì neo chất dẻo, bê tông cốt thép và lưới thép kết hợp bê tông phun để duy trì sự ổn định các đường lò, tiết kiệm chi phí; Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm các công nghệ khai thác mới như dàn chống siêu nhẹ, giá thủy lực liên kết xích, lò chợ cơ giới hóa đồng bộ,… phù hợp với điều kiện của Công ty. Phấn đấu quý IV năm 2015 đưa 01 lò chợ cơ giới hóa đồng bộ vào khai thác tại chợ I-8-1 khu giếng Vàng Danh mức -175.

6. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Các thành viên HĐQT, BKS đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng chế độ phụ cấp, phụ cấp năm 2014 như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2014	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	6.880.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.100.000 đ/ tháng	
3.	Trưởng ban Kiểm soát	6.100.000 đ/ tháng	
4.	Thành viên Ban kiểm soát	5.580.000 đ/tháng	

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2014 là: 582.442.000 đồng.

Trong đó:

+ Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên HĐQT: 375.336.000 đồng;

+ Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên BKS : 207.106.000 đồng.

7. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị: 5/5 thành viên

- Ban kiểm soát: 3/3 thành viên

- Ban Giám đốc: 6/6 thành viên

8. Những thay đổi về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT:

Trong năm Công ty có phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, việc thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu là không đáng kể, tuy nhiên do trong năm 2014 có sự thay đổi về nhân sự HĐQT, theo đó ông Nguyễn Văn Trịnh không còn là cổ đông nội bộ Công ty, với số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu như sau:

- Số cổ phần nắm giữ: 37.839 cổ phần;

- Tỷ lệ: không: 0,09%

II. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

Vốn điều lệ của Công ty là: 420.235.040.000 VNĐ tương đương: 42.023.504 cổ phần

1. Cổng đông góp vốn Nhà nước

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm cổ phần chi phối của Công ty với số cổ phần là: 28.082.938 cổ phần tương đương 66,83 % vốn điều lệ.

Thông tin chi tiết như sau:

Tên Doanh nghiệp: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Tên giao dịch: VIETNAM NATIONAL COAL AND MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED

Tên viết tắt: TKV

Địa chỉ trụ sở chính: Số 226 Lê Duẩn - Phường Trung Phụng - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 8510 780 Fax: (04) 3 8510 724

Email: vanphong@vinacoal.com.vn

Website: www.vinacoal.com.vn , www.vinacomin.com.vn

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (trước kia là Tổng Công ty Than Việt Nam) là một trong số những Tổng Công ty 90 - 91 hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Con, được thành lập theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số: 653/TTg ngày 10/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ và số 345/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005 của Thủ tướng chính phủ về việc Thành lập Tập Đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Công nghiệp than: khảo sát, thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác, vận chuyển, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm và khoáng sản khác đi cùng với than;

- Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: khảo sát, thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản;

- Vật liệu nổ công nghiệp: Sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitorat amôn;

- Công nghiệp điện: đầu tư, xây dựng, sản xuất điện, mua, bán điện;

b) Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Công nghiệp cơ khí;

- Công nghiệp hóa chất và vật liệu xây dựng;

- Quản lý, khai thác cảng; vận tải, hoa tiêu, kho bãi;

- Xây dựng công trình mỏ, dân dụng, công nghiệp, giao thông;

- Thăm dò, khảo sát địa chất; tư vấn kỹ thuật, khoa học công nghệ và đầu tư; giám định hàng hóa, đào tạo, y tế; phòng ngừa, ứng cứu, xử lý, khắc phục sự cố mỏ; hoạt động bảo vệ, hoàn nguyên môi trường;

2. Cổ đông lớn:

Tính đến thời điểm 31/12/2014 Công ty có 01 cổ đông lớn: Công ty cổ phần cơ điện lạnh nắm giữ số lượng: 2.234.377 cổ phiếu bằng 5,32% vốn điều lệ

3. Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

Số TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Trong nước		**5.267**	**41.782.337**	**417.823.370.000**	**99,43**
1.	Tổ chức	15	31.806.183	318.061.830.000	75,69
2.	Cá nhân	5.252	9.976.154	99.761.540	23,74
Nước ngoài		**10**	**241.167**	**2.411.670.000**	**0,57**
Tổng cộng		**5.277**	**24.997.256**	**249.972.560.000**	**100**

4. Cổ đông sáng lập

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	**Tập đoàn CN Than – KS Việt Nam** Đại diện vốn Nhà nước:	7.814.613	78.146.130.000	51,14
2	**NGUYỄN VĂN TRỊNH**	13.758	137.580.000	0,09
3	**ĐẶNG VĂN KHAM**	3.797	37.970.000	0,02
4	**NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG**	13.873	138.730.000	0,09

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
5	**KHUẤT MẠNH THẮNG**	855	8.550.000	0,01
6	**ĐINH QUANG MINH**	1.426	14.260.000	0,01

5. Cổ đông nước ngoài

- Họ và tên: Sun Jong Lee

Địa chỉ: 864 Yoshiharu, Noda City, Chiba Japan

Số ĐK NSH: IS 1081 Cấp ngày 29/05/2006

Quốc tịch: Korea, Rep of

Số cổ phần năm giữ: 8 CP

- Họ và tên: BAI SIHAI

Địa chỉ: BLK 638C, PUNGGOL DRIVE, #14-461 SINGAPORE 823 638

Số ĐK NSH: IA6174 Cấp ngày 27/03/2013

Quốc tịch: Singapore

Số cổ phần năm giữ: 7.724 CP

- Họ và tên: Yamazaki Atsushi

Địa chỉ: 165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan

Số ĐK NSH: IS0469 Cấp ngày 10/11/2005

Quốc tịch: Japan

Số cổ phần năm giữ: 549 CP

- Họ và tên: HONGYUI SIMEON TSAO

Địa chỉ: 18bis/14 Nguyen Thi Minh Khai, Dakao Ward, D.1, HCMC

Số ĐK NSH: IA6392 Cấp ngày 18/06/2013

Quốc tịch: Hong Kong

Số cổ phần năm giữ: 15.200 CP.

- Họ và tên: Chen Juen Yi

Địa chỉ: 1 F-4, No.227, GrongYuan Rd, Linkou Shian, Taipei County, Taiwan

Số ĐK NSH: IA1558 Cấp ngày 07/07/2008

Quốc tịch: Taiwan

Số cổ phần năm giữ: 53.020 CP

- Họ và tên: KATO TAKANORI

Địa chỉ: 36 Kamimizunocyo Setoshi Aichi, Japan

Số ĐK NSH: IA6289 Cấp ngày 02/05/2013

Quốc tịch: Japan

Số cổ phần năm giữ: 100 CP

- Họ và tên: NGUYEN DINH THAM

Địa chỉ: 2415 Daneland St., Lakewood CA 90712, USA

Số ĐK NSH: IA6242 Cấp ngày 16/04/2013

Số cổ phần năm giữ: 16 CP

- Họ và tên: WILLEM STUIVE

Địa chỉ: No Vinatex-Tai Nguyen Building, 3rd Floor, 10 Nguyen Hue St, Dist 1, HCMC

Số ĐK NSH: IS1412 Cấp ngày 03/08/2006

Quốc tịch: Netherlands

Số cổ phần năm giữ: 100.000 CP.

- Họ và tên: Seo Hyungbok

Địa chỉ: 33-60, Jung Kok Dong, Kwang Jingo, Seoul, Korea

Số ĐK NSH: M16483993 Cấp ngày 31/05/2010

Quốc tịch: Korea, DPR of

Số cổ phần năm giữ: 1.000 CP

- Họ và tên: Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd

Địa chỉ: 50 North Canal Road, 306-00, Singapore 059304

Số ĐK NSH: CS2385 Cấp ngày 27/12/2006

Quốc tịch: Singapore

Số cổ phần năm giữ: 63.550 CP

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH VINACOMIN

Doãn Văn Quang